

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2017
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con
chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Hà Tuấn Vĩnh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Lùng Minh Chương.**

Ông: **Cao Xuân Tú.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Văn Thuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị My Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thào Thị S** - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện P, tỉnh G.

- Bị đơn: Anh **Vù Seo L** - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện P, tỉnh G.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Thào Thị S trình bày: Chị và chồng là anh Vù Seo L kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Bản Páo, huyện Hoàng su Phì. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến

năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng chị thường xuyên uống rượu say, chị có nhắc nhở chồng không nên uống nhiều rượu, chồng chị đã không nghe và đánh chị, chồng chị nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình, nhưng thực tế chị không quan hệ ngoại tình, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, chồng chị nhiều lần đánh chị làm chị phải đi nằm viện. Mâu thuẫn vợ chồng đã được thôn, xã hòa giải nhiều lần nhưng chồng chị vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục uống rượu say và đánh chị nhiều lần. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có các động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về nuôi con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc T - sinh ngày 29/11/2011 và cháu Vũ Thị D - sinh ngày 01/11/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu D và anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu T. Cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là anh Vũ Seo L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc như chị S trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng không đúng như chị S trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh có biểu hiện ngoại tình nhưng anh không có chứng cứ, không bắt được quả tang chị S ngoại tình, từ đó hai vợ chồng xảy ra xô sát, anh có đánh vợ anh 03 lần trong đó có một lần anh đánh chị S phải đi nằm viện tại Bệnh viện huyện Hoàng Su Phì 7 ngày thì chị S ra viện. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được gia đình hai bên và thôn, xã can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, anh vẫn nghi ngờ chị S có quan hệ ngoại tình nhưng không có bằng chứng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Hiện anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, nay chị S làm đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí, anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Theo như chị S trình bày là đúng, vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc T và cháu Vũ Thị D. Nếu phải ly hôn thì anh đề nghị chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu D và cháu T và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành hoà giải để hướng các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng tại phiên họp hoà giải các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà chị Thảo Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung. Anh Vũ Seo L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị vợ chồng được đoàn tụ và nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu chị S trực tiếp nuôi cháu D và cháu T và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về chấp hành pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của các đương sự đã thực hiện đúng qui định điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ vụ án, về thời hạn xét xử, các đương sự chấp hành tốt việc triệu tập của Tòa án... Tại phiên tòa thực hiện đúng qui định điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào bị thay đổi, đúng thành phần, bảo đảm nguyên tắc xét xử. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn, đề nghị con chung giao cho anh L nuôi cháu T và chị S nuôi cháu D, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/12/2013 chị S và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bản Péo, huyện Hoàng su Phì, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau nên thường xảy ra xô xát cãi chửi nhau, chồng thường uống rượu say đánh, chửi vợ, hai bên không còn có sự tôn trọng, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình, thôn, xã giải quyết nhiều lần nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2017. Hiện tại thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ vợ chồng đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, chồng có hành vi bạo lực gia đình, nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị S yêu cầu ly hôn anh L, anh L không nhất trí ly hôn, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S về việc xin ly hôn anh Vũ Mí L.

Về nuôi con chung: Chị S và anh L có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc T sinh ngày 29/11/2011 và cháu Vũ Thị D sinh ngày 01/11/2013. Chị S đề nghị

được trực tiếp nuôi cháu D và anh L trực tiếp nuôi cháu T cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con, anh L đề nghị chị S trực tiếp nuôi cả cháu T và cháu D và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cháu D chưa đủ 4 tuổi, cháu T chưa đủ 6 tuổi để có người trực tiếp nuôi dưỡng nắm bắt tâm sinh lý của cháu D và cháu T ở độ tuổi hiện nay, cháu D là con gái nên cần có người chăm sóc, giáo dục hiểu được tâm sinh lý của giới nữ thì cần phải giao cháu D cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T là con trai nên cần có người chăm sóc, giáo dục hiểu được tâm sinh lý của giới nam nên cần giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc để hình thành nhân cách ban đầu cho các cháu là phù hợp với thời điểm hiện tại. Do vậy, cần giao cháu Vũ Thị D cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Ngọc T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để các con có điều kiện chăm sóc, giáo dục tốt nhất.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trên cơ sở giao cho chị S, anh L mỗi người nuôi một con chung nên các bên chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Sau khi ly hôn các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Chị S và anh L xác nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 68, 69, 81, 82, 83 và 84 - Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thảo Thị S. Chị Thảo Thị S được ly hôn anh Vũ Seo L.

Về nuôi con chung: Chị Thảo Thị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Thị D sinh ngày 01/11/2013 đến khi Vũ Thị D đủ 18 tuổi; anh Vũ Seo L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Ngọc T sinh ngày 29/11/2011 đến khi Vũ Ngọc T đủ 18 tuổi. Chị S và anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị S, anh

L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Chị Thảo Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì theo biên lai số 02214, ngày 14/02/2017. Chị S đã nộp đủ án phí. Anh L không phải chịu án phí.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Hoàng su Phì;
- Các đương sự;
- UBND xã Bản Páo huyện HSP;
- Chi cục THA huyện Hoàng su Phì;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh